



www.vandientujaki.com

Hotline: **0978 67 1212**

CO HÀN INOX 316 VI SINH 90°

Tên Sản Phẩm

Hiệu

Kiểu Nối

Tiêu Chuẩn

Đặc Điểm Kỹ Thuật

Vật Liệu

Kích Thước

Sử Dụng

Tình Trạng

CO VI SINH 90° LOẠI DÀI TIÊU CHUẨN SMS

CSE

Nối hàn

SMS

ASTM A269, A270

ASTM 304, 304L, 316L

DN25 → DN104

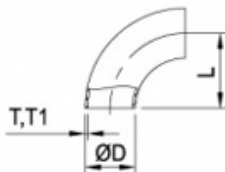
Công nghiệp vi sinh, hóa sinh, thực phẩm, dược, ...

Hàng có sẵn, mới 100%



SMS Pipe Line (mm)

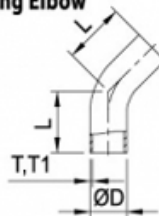
90° Short Elbow



SMS 90 B 90° Short Elbow

DN	ØD	L	T	T1
25	25.0	37.5	1.25	1.5
38	38.0	57.0	1.25	1.5
51	51.0	76.5	1.25	1.5
63.5	63.5	95.25	1.5	1.5
76	76.1	114.15	1.6	2.0
104	104	152.1	2.0	2.0

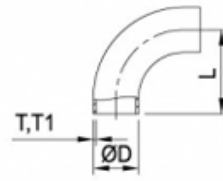
45° Long Elbow



SMS 45 LB 45° Long Elbow

DN	ØD	L	T	T1
25	25.0	42.33	1.25	1.5
38	38.0	48.72	1.25	1.5
51	51.0	58.15	1.25	1.5
63.5	63.5	75.3	1.5	1.5
76	76.1	79.37	1.6	2.0
104	104	85.54	2.0	2.0

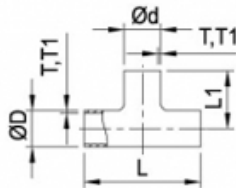
90° Long Elbow



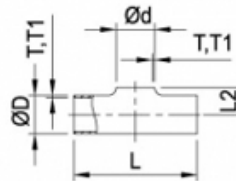
SMS 90 LB 90° Long Elbow

DN	ØD	L	T	T1
25	25.0	55	1.25	1.5
38	38.0	70	1.25	1.5
51	51.0	82	1.25	1.5
63.5	63.5	105	1.5	1.5
76	76.0	110	1.6	2.0
101.6	101.6	150	2.0	2.0
104	104	150	2.0	2.0

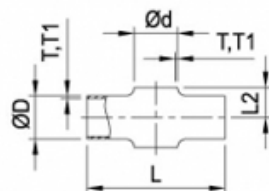
SMS ET
Tee With Straight-End



SMS PT
Tee Without Straight-End

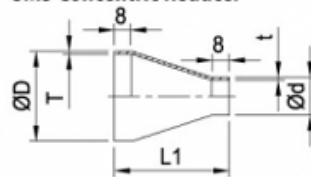


SMS PC
Welding Cross Without Straight-End

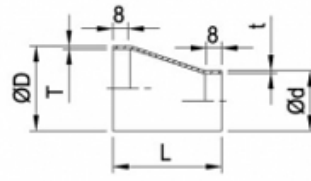


DN	ØD	Ød	T	T1	L	L1	L2
25	25.0	25.0	1.25	1.5	110	55	14.0
38	38.0	38.0	1.25	1.5	140	70	21.0
51	51.0	51.0	1.25	1.5	164	82	28.5
63.5	63.5	63.5	1.5	1.5	210	105	36.0
76.1	76.1	76.1	1.6	2.0	220	110	43.0
104	104	104	2.0	2.0	300	150	58.0

SMS CR
SMS Concentric Reducer

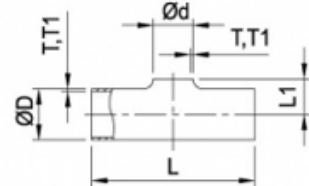


SMS ER
SMS Eccentric Reducer



SIZE	ØD	Ød	T	t	L1	L
38x25	38.0	25.0	1.25	1.25	46	39
51x25	51.0	25.0	1.25	1.25	68	57
51x38	51.0	38.0	1.25	1.25	47	39
63.5x25	63.5	25.0	1.5	1.25	92	74
63.5x38	63.5	38.0	1.5	1.25	70	57
63.5x51	63.5	51.0	1.5	1.25	44	39
76x25	76.1	25.0	1.6	1.25	-	92
76x38	76.1	38.0	1.6	1.25	92	74
76x51	76.1	51.0	1.6	1.25	68	57
76x63.5	76.1	63.5	1.6	1.50	47	39
104x51	104	51.0	2.0	1.25	117	95
104x63.5	104	63.5	2.0	1.50	94	78
104x76	104	76.1	2.0	1.60	74	60

SMS PRT
Welding Reducing Tee
Without Straight-End



DN	ØD	Ød	T	T1	L	L1
38x25	38.0	25.0	1.25	1.5	140	21.0
51x25	51.0	25.0	1.25	1.5	164	29.0
51x38	51.0	38.0	1.25	1.5	164	29.0
63.5x25	63.5	25.0	1.5	1.5	210	34.5
63.5x38	63.5	38.0	1.5	1.5	210	35.0
63.5x51	63.5	51.0	1.5	1.5	210	36.0
76.1x25	76.1	25.0	1.6	2.0	220	41.0
76.1x38	76.1	38.0	1.6	2.0	220	42.0
76.1x51	76.1	51.0	1.6	2.0	220	43.0
76.1x63.5	76.1	63.5	1.6	2.0	220	43.0
104x25	104	25.0	2.0	2.0	300	56.0
104x38	104	38.0	2.0	2.0	300	56.0
104x51	104	51.0	2.0	2.0	300	57.0
104x63.5	104	63.5	2.0	2.0	300	58.0
104x76.1	104	76.1	2.0	2.0	300	58.0

Sản phẩm khác



—

[VAN BI VI SINH TAY GẠT CLAMP](#)

[Xem thêm VAN BI VI SINH TAY GẠT CLAMP](#)



—

[VAN 1 CHIỀU VI SINH CLAMP HÀN](#)

[Xem thêm VAN 1 CHIỀU VI SINH CLAMP HÀN](#)



—

[VAN BỊ VI SINH ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN 220V DC24V](#)

[Xem thêm VAN BI VI SINH ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN 220V DC24V](#)



—

[VAN BI VI SINH ĐIỀU KHIỂN KHÍ NÉN JAKI](#)

[Xem thêm VAN BI VI SINH ĐIỀU KHIỂN KHÍ NÉN JAKI](#)



—

Xuất xứ:	Kosaplus - Hàn Quốc
Vật liệu chế tạo:	Hoàn toàn bằng inox 304, hoặc inox 316
Zoăng làm kín:	teflon, vitton
Kiểu lắp:	ren, hàn, clamp
Tiêu chuẩn:	DIN, hoặc ANSI (Theo tiêu chuẩn vi sinh)[
PN16	PN16
Áp lực khí nén cấp vào:	0 ~ 8 bar
Ứng dụng:	Hoá chất, hơi, gas, dầu nóng và một số loại hoá chất dạng lỏng khác.

[VAN BUỒM INOX 316L VI SINH KHÍ NÉN](#)

[Xem thêm VAN BUỒM INOX 316L VI SINH KHÍ NÉN](#)



—

Xuất xứ:	Japan - Taiwan
Vật liệu chế tạo:	Inox, Joang PTFE..
Cấu tạo của van:	Thân van, tay van, bi và trục được sản xuất bằng Inox
Kết nối:	Ren trong, ren ngoài
Tiêu chuẩn:	Jis - BS
Áp lực làm việc :	10 - 16 Kg/cm2
Kích thước:	DN15 - DN200
- Nhiệt độ:	100 - 180 độ C
Ứng dụng:	Hoá chất, hơi, gas, dầu nóng và một số loại hoá chất dạng lỏng khác.

[VAN BUỒM VI SINH TAY GẠT CLAMP](#)

[Xem thêm VAN BUỒM VI SINH TAY GẠT CLAMP](#)

